TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 115/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-7-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1984/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 2192/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị Huyền A, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh E, sinh năm 1984; nơi cư trú: Đài Loan; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 27-8-2018 và các văn bản khác, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Huyền A trình bày: Chị A và anh E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 28-11-2014. Sau khi kết hôn, chị A và Anh E chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì Anh E quay trở về Đài Loan. Anh E đã làm thủ tục bảo lãnh cho chị A sang Đài Loan sinh sống để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng đề nghị của Anh E không được cơ quan có thẩm

quyền chấp nhận do không đủ điều kiện. Do khoảng cách địa lý, việc bảo lãnh không có kết quả nên quan hệ giữa chị A và Anh E phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc các bên không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy, tình cảm đối với Anh E không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị A yêu cầu được ly hôn với Anh E.

Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A trình bày quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị A giữ nguyên lời trình bày tại bản tự khai và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với Anh E; không yêu cầu giải quyết con chung và tài sản chung do không có.

Tại phiên tòa, Anh E vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến*:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa Anh E và chị Đỗ Thị Huyền A đã sâu sắc. căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn với Anh E; chị A không yêu cầu về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Anh E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo việc Tòa án đang giải quyết yêu cầu xin ly hôn giữa chị A và Anh E; đồng thời đề nghị Anh E cho biết quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị A. Ngày 07-11-2018, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 2712/CH-BTP của Bộ Tư pháp về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan để thực hiện việc ủy thác và gửi lại kết quả cho Bộ Tư pháp. Ngày 18-02-2019, Tòa án tiếp tục nhận được văn bản số 275/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp cho biết, Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện uỷ thác tư pháp vào ngày 22-12-2018 cho Anh E bằng phương thức: Chuyển cho người sống chung cùng đương sự. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt Anh E theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu của đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và Anh E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 28-11-2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Trên thực tế Anh E và chị Đỗ Thị Huyền A chung sống với nhau trong thời gian rất ngắn thì Anh E phải về nước. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do Anh E không đủ điều kiện để bảo lãnh cho chị A sang Đài Loan nên vợ chồng phải sống xa nhau, ngôn ngữ bất đồng nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hiện tại, các bên không còn giữ mối liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị A có yêu cầu ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị A phù hợp với tình trạng gia đình, mối quan hệ giữa hai bên, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

[5] Chị A phải chịu án phí ly hôn và chi phí tố tụng ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định pháp luật - Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Huyền A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Huyền A được ly hôn với Anh E.

2. Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị Đỗ Thị Huyền A xác nhận không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Đỗ Thị Huyền A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010857 ngày 31-8-2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị Huyền A phải chịu tiền chi phí ủy thá c tư pháp ra nước ngoài được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Toà án số 0010862 ngày 04-9-2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Chị Đỗ Thị Huyền A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Đỗ Thị Huyền A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn một tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, Anh E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:
- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Minh Phương